TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **603/**2017/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 04 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 312/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Mai Phúc L , sinh năm 1970;
Địa chỉ: số 137/8, đường N, phường T, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Trần Thị H , sinh năm 1971;
Địa chỉ: số 137/8, đường N, phường T, quận T, Thành phố H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ngân hàng N - Chi nhánh T (Phòng giao dịch T);
Địa chỉ: số 111, đường T, phường T, quận T, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Mai Phúc L và bà Trần Thị H .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Mai Phúc L và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Mai Phúc L và bà Trần Thị H (theo Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã T, huyện C, tỉnh H cấp ngày 31/8/1992) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung:

Bà Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Mai Phúc T, sinh ngày 24/3/2005. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đóng vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành. Đối với 02 con chung là Mai Phúc L, sinh ngày 19/9/1993 và Mai Trần Ngọc N, sinh ngày 26/11/1997 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập.

+ Ông L có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Viêc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản:

Ông L và bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung:

Ông L và bà H xác nhận còn nợ Ngân hàng N số tiền 400.000.000 đồng nhưng không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí:

Án phí ly hôn là 150.000 đồng do ông Mai Phúc L tự nguyện chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng do ông Mai Phúc L chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Mai Phúc L đã nộp theo Biên lai thu số 0026464 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (dối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS Q.T;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Mỹ